

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

Số: 121/2025/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 164/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TNHH MTV S**

Địa chỉ: **G phố L, Phường C, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Văn Đ** - Chức vụ: Chủ Tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phùng Lê T** – chức vụ: Phó Giám Đốc chi nhánh, theo Quyết định ủy quyền số 2701/2025/QĐ-TGD ngày 21/05/2025.

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm 1958

2. Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: **Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.**

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông **Trần Tấn P**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: **Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hợp đồng tín dụng: Ông **Trần Thanh T1** và bà **Hồ Thị N** còn nợ **Ngân hàng TNHH MTV S** tính đến ngày 04/12/2025 bao gồm:

- Theo các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 001K.0016/HM24 ngày 30/12/2024; Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 002K.0016/HM24 ngày 30/12/2024; Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 003K.0016/HM24 ngày 31/12/2024 thì ông **Trần Thanh T1** và bà **Hồ Thị N** còn nợ là 6,308,301,370đ (Sáu tỷ, ba trăm lẻ tám triệu, ba trăm linh một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng) gồm nợ gốc là 6,000,000,000đ và nợ lãi là 308,301,370đ.

Ông **Trần Thanh T1** và bà **Hồ Thị N** đồng ý thanh toán các khoản nợ trên cho **Ngân hàng TNHH MTV S** chậm nhất đến ngày 15/01/2026.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn và lãi phạt phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2.2. Về hợp đồng thế chấp: Trường hợp ông **Trần Thanh T1** và bà **Hồ Thị N** không thanh toán đúng theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án, tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 938, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ: **Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã T, tỉnh Tây Ninh** và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông **Trần Tấn P** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 736219, số vào sổ cấp GCN CS 05608 do **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp ngày 19/7/2021.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1111, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ: **Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã T, tỉnh Tây Ninh** và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông **Trần Tấn P** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 736218, số vào sổ cấp GCN CS 05607 do **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp ngày 19/7/2021.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 63, tại địa chỉ: **Số A đường B, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An nay là phường L, tỉnh Tây Ninh** và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông **Trần Tấn P**

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 249372, số vào sổ cấp GCN CS 08083 do **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp ngày 14/04/2020, chỉnh lý biến động ngày 18/7/2022.

2.3. Về chi phí tố tụng là 6.000.000đ ông **Trần Thanh T1** và bà **Hồ Thị N** phải chịu 6.000.000đ nên ông **Trần Thanh T1** và bà **Hồ Thị N** phải nộp 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để hoàn lại cho **Ngân hàng TNHH MTV S**.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Trần Thanh T1** và bà **Hồ Thị N** phải chịu 57.154.000 đồng. (Năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Hoàn cho **Ngân hàng TNHH MTV S** số tiền 57.050.404 đồng (Năm mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn, bốn trăm linh bốn đồng) theo biên lai thu số 0008334 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND KV1
- Các đương sự
- THA, AV, Lưu

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Thu Thảo